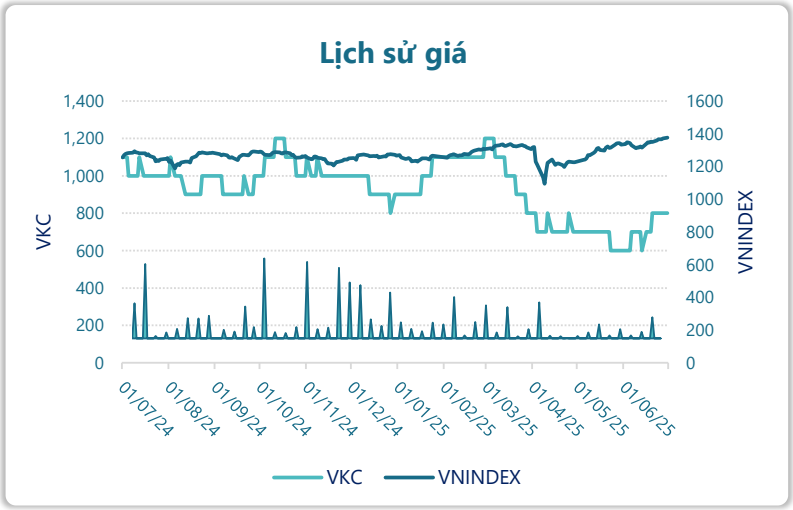
FireAnt

CTCP VKC Holdings (UPCOM: VKC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	600
SL cổ phiếu LH	19,279,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,625
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15
P/E	-0.1
EPS	-6,648

DT thuần

Q2/25

3.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.56| -50.4%

YoY: ▼2.42| -40.9%

LN sau thuế

Q2/25

-20.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.9| -117%

YoY: ▲ 23.6| 54.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-273%

+/- YoY: ▲ 236%

DT thuần

6T 2025

10.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.70| -6.8%

LN sau thuế

6T 2025

-29.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 30.0| 50.7%

ROE

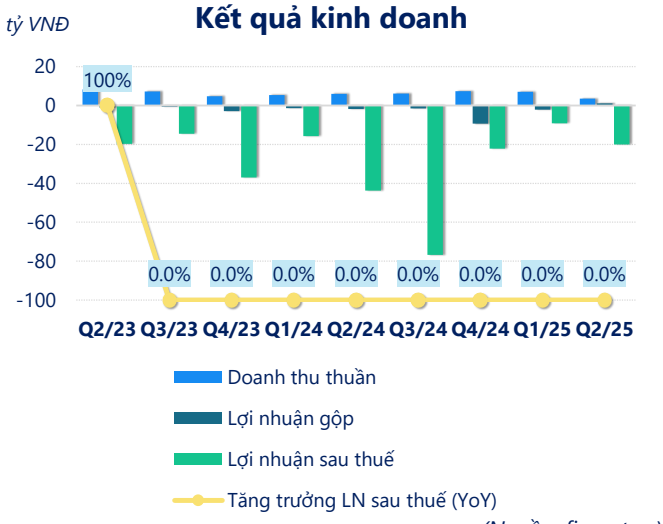
Q2/25

61.9%

+/- YoY: ▼ 64.1%

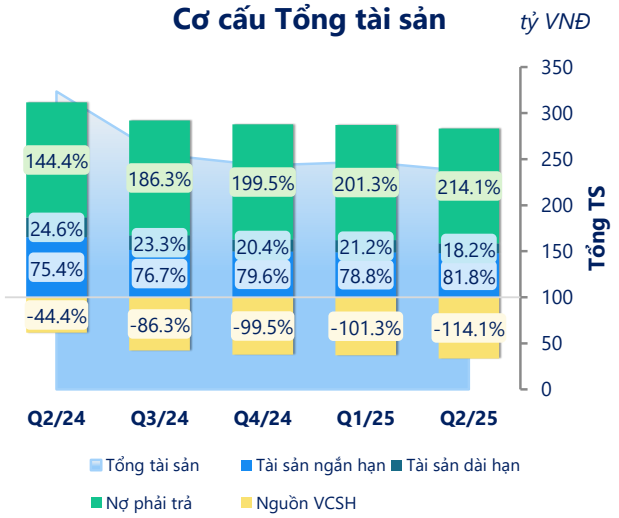
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



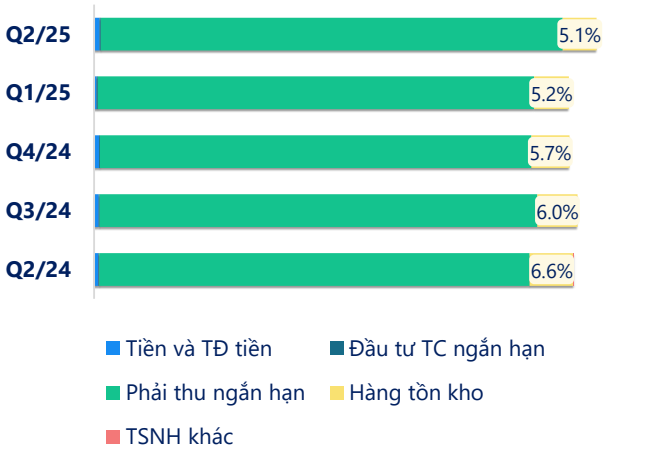
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



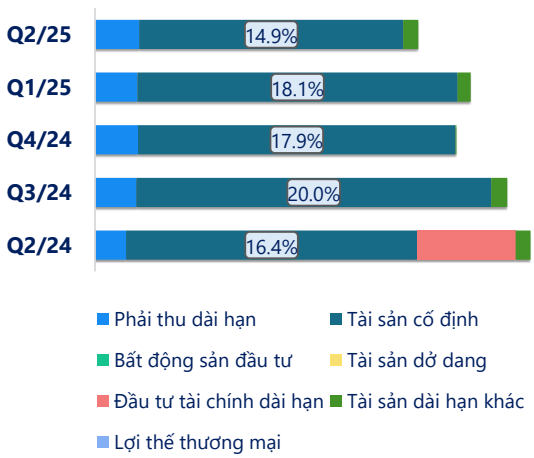
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



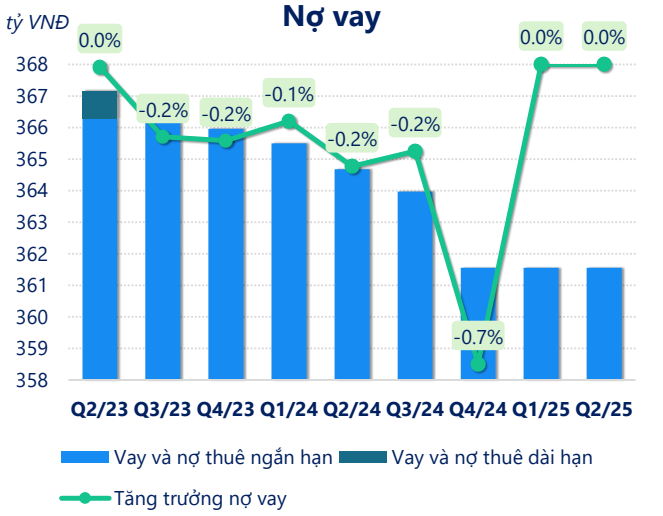
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



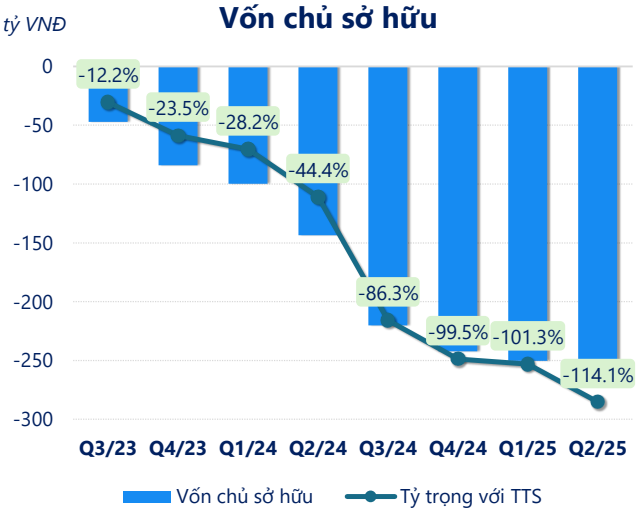
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



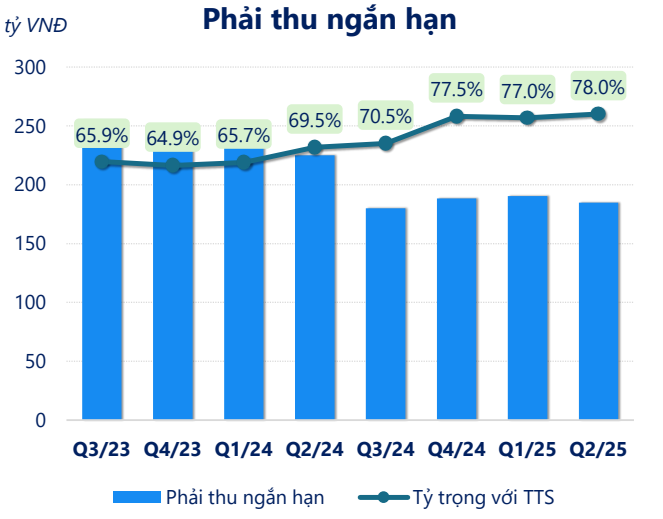
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



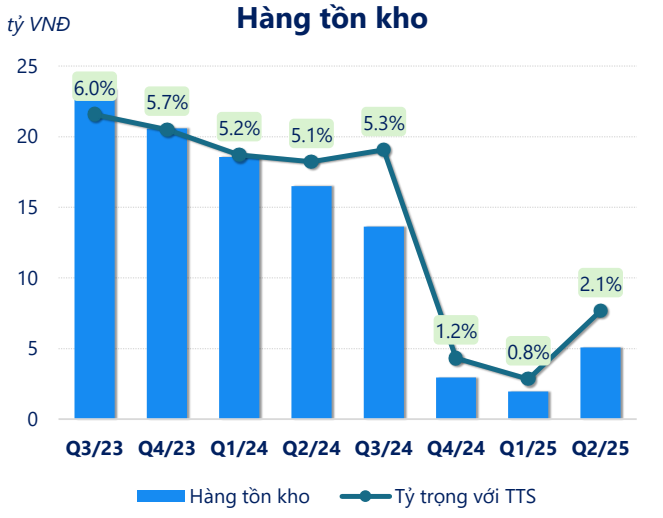
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



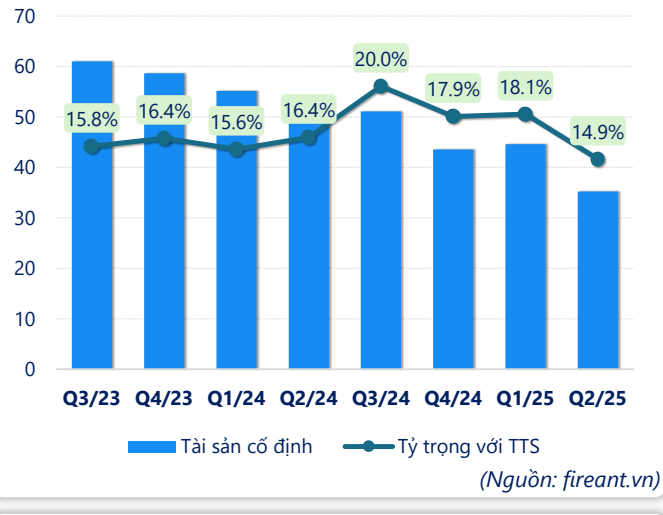
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



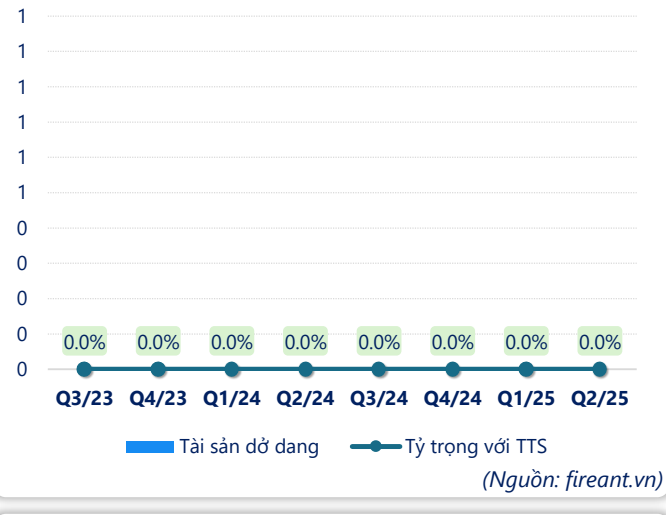
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



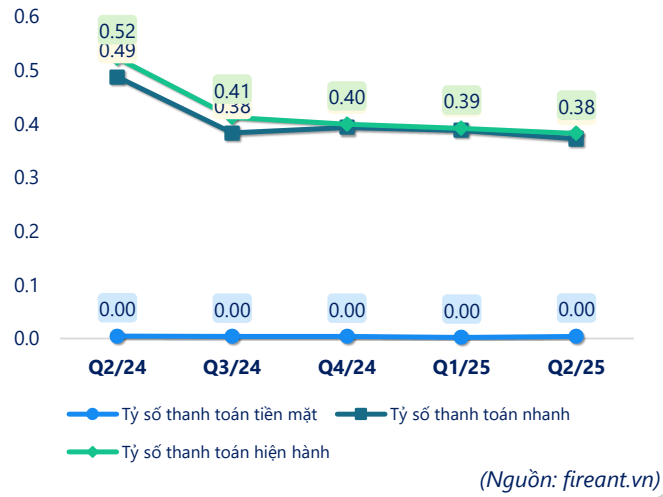
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



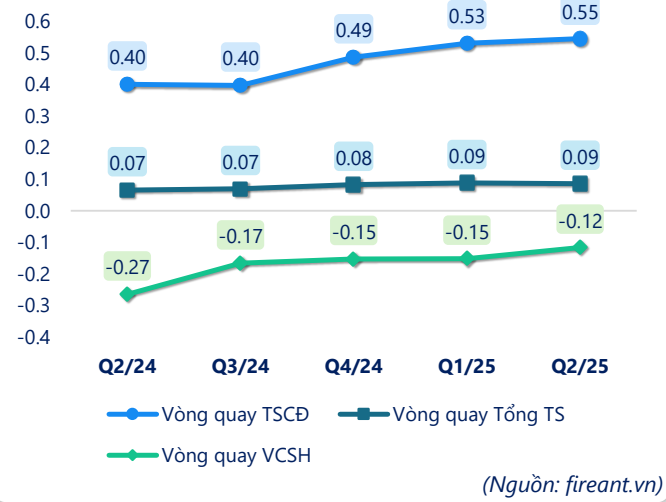
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**323**	**255**	**243**	**247**	**237**
Tài sản ngắn hạn	**244**	**196**	**194**	**195**	**194**
Tiền và tương đương tiền	2.11	1.73	1.77	0.98	2.01
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.51	0.51	0.51	0.51	0.51
Phải thu ngắn hạn	225	180	188	190	185
Hàng tồn kho	16.5	13.6	2.94	1.96	5.08
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0.01	0.89	1.24
Tài sản dài hạn	**79.5**	**59.4**	**49.6**	**52.4**	**43.2**
Phải thu dài hạn	5.68	5.92	5.92	5.92	5.92
Tài sản cố định	53.1	51.1	43.6	44.6	35.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.70	2.33	0.14	1.86	2.01
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**467**	**475**	**485**	**497**	**507**
Nợ ngắn hạn	**467**	**475**	**485**	**497**	**507**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	365	364	362	362	362
Phải trả người bán ngắn hạn	8.17	8.07	7.42	8.76	7.52
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0.12
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-143**	**-220**	**-242**	**-250**	**-270**
Vốn chủ sở hữu	**-143**	**-220**	**-242**	**-250**	**-270**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)